

THỰC TRẠNG BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG GIA ĐÌNH NGƯỜI VIỆT – NGHIÊN CỨU TẠI MỘT XÃ NÔNG THÔN VÙNG TÂY NAM BỘ

NGUYỄN TẤN DÂN

Ra các quyết định trong gia đình là một chỉ báo thường được sử dụng để đo lường địa vị của người phụ nữ trong gia đình. Do ảnh hưởng của văn hóa Nho giáo, trong gia đình Việt Nam nói chung và gia đình nông thôn nói riêng, nam giới luôn được đề cao vai trò là trụ cột và có tiếng nói quyết định trong các công việc gia đình. Bài viết này tìm hiểu thực trạng bình đẳng giới trong gia đình người Việt – nghiên cứu trường hợp tại một xã nông thôn vùng Tây Nam Bộ, qua đó thấy được sự bất bình đẳng giới trong phân công lao động gia đình vùng nông thôn Tây Nam Bộ.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vấn đề bình đẳng giới đang được hầu hết các quốc gia quan tâm và được xác định là 1 trong 8 mục tiêu Thiên niên kỷ⁽¹⁾. Bình đẳng giới cũng được đề cập đến trong các chương trình, dự án phát triển hợp tác song phương và đa phương giữa các quốc gia. Việt Nam là một trong những quốc gia đầu tiên trên thế giới ký tham gia Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) được phê chuẩn ngày

27/11/1981⁽²⁾.

Đảng và Nhà nước ta quan tâm và đặt vấn đề bình đẳng giới là một trong những mục tiêu và là động lực phát triển quốc gia. Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bình đẳng giới đã được cụ thể hóa trong Hiến pháp (2013), Luật Bình đẳng giới (2006)⁽³⁾, Luật Phòng chống bạo lực gia đình (2007)⁽⁴⁾. Trong Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020⁽⁵⁾ của nước ta, có mục tiêu tổng quát là: “Đến năm 2020, về cơ bản, bảo đảm bình đẳng thực chất giữa nam và nữ về cơ hội, sự tham gia và thụ hưởng trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa và

Nguyễn Tấn Dân. Thạc sĩ. Trung tâm Nghiên cứu Giới và Gia đình. Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

xã hội, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước”.

Trong những năm qua, sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở Việt Nam đã đạt được những thành quả nhất định trong đời sống kinh tế - xã hội, nhưng bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những bất cập, nhất là trong gia đình ở khu vực nông thôn.

Theo thuyết Nữ quyền phương Tây, phụ nữ là trung tâm trong việc phân tích đời sống gia đình, xã hội. Sự bình đẳng giới trong đời sống gia đình được thể hiện chủ yếu trên các khía cạnh: (1) sự phân công lao động; (2) quan hệ quyền lực; (3) các hoạt động chăm sóc thành viên gia đình. Dựa trên thuyết Nữ quyền, bài viết tiếp cận vấn đề bất bình đẳng giới trong gia đình nông thôn vùng Tây Nam Bộ ở những khía cạnh nêu trên. Tài liệu để hoàn thành bài viết này dựa trên các 20 cuộc phỏng vấn sâu với người dân, 2 cuộc thảo luận nhóm và những quan sát tại địa bàn một xã nông thôn thuộc huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp năm 2014.

2. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG VIỆC ĐƯA RA CÁC QUYẾT ĐỊNH TRONG GIA ĐÌNH

Luật Bình đẳng giới (2006) quy định về bình đẳng giới trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, y tế, giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ, văn hóa-thông tin và gia đình, thể hiện một bước tiến mới trong mục tiêu bình đẳng giới. Văn hóa Nho giáo vốn đã bén rễ bền chặt trong quan niệm, thái độ, ứng xử của người Việt từ nhiều thế kỷ qua - ở đó, người phụ nữ được xem là “nữ nhi ngoại tộc”, hay “tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, nên để thay đổi những giá trị mang tính “trọng nam, khinh nữ” cần

phải có thời gian nâng cao nhận thức và cải thiện lối ứng xử của các thế hệ người Việt nói chung và ở vùng Tây Nam Bộ nói riêng.

Ra các quyết định là một chỉ báo thường được sử dụng để đo lường địa vị của người phụ nữ trong gia đình. Tuy vậy, quyền ra các quyết định trong gia đình không chỉ chịu sự chi phối bởi yếu tố giới tính mà còn có các yếu tố khác, như: (1) lĩnh vực ra quyết định (nuôi dạy con cái, mua sắm đồ dùng hay xây nhà cửa,...); (2) tầng lớp xã hội của gia đình (nông thôn hay thành thị, mức sống,...); (3) tuổi tác và các giai đoạn trong đường đời của người phụ nữ. Xem xét giới tính trong mối quan hệ với các yếu tố trên, chúng tôi lựa chọn một số hướng tiếp cận sau:

2.1. Quyết định trong cuộc sống hôn nhân

Trong việc kết hôn

Hôn nhân được xem là một thiết chế tồn tại song hành với các thiết chế khác (kinh tế, giáo dục, chính trị, tôn giáo), bao gồm một hệ thống các chuẩn mực khiến hành vi của con người được sắp đặt trong những mẫu hình có tính bền vững. Theo quan điểm của người Việt, hôn nhân là một trong ba chuyện hệ trọng đối với cuộc đời của một con người: “Tậu trâu, lấy vợ, làm nhà / Trong ba việc ấy ắt là khó thay”. Hôn nhân còn chịu sự chi phối bởi bối cảnh văn hóa và điều kiện lịch sử của từng thời kỳ. Dữ liệu điều tra cho thấy một số đặc điểm hôn nhân của người dân nông thôn vùng Tây Nam Bộ như sau:

Hôn nhân ở Tây Nam Bộ trước Đổi mới (1986), thậm chí là cho đến nay vẫn mang nhiều tàn dư của tư tưởng Nho

giáo. Trước năm 1975, hôn nhân của người dân Tây Nam Bộ hầu như là do mai mối, “cha mẹ đặt đâu, con ngồi đó”. Thông thường, người mai mối sẽ giới thiệu bên nhà trai về cô gái nào đó mà họ “chấm”, sau đó nhà trai sẽ qua nhà gái để hỏi cưới, nếu nhà gái đồng ý thì đám cưới được tiến hành mà không nhất thiết phải thông qua ý kiến của đương sự, đặc biệt là nữ giới. Cha mẹ có toàn quyền trong việc quyết định hôn sự của con cái và đó còn là thể hiện trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Cha mẹ thường mong muốn chọn cho con gái một người chồng hiền lành, chí thú làm ăn, không quá chênh lệch so với hoàn cảnh của gia đình và xem việc quyết định hôn sự cho con gái là “quyền của cha mẹ”. Quan niệm này còn thấy rất rõ trong lớp tuổi trung niên trở lên, sống ở nông thôn, học vấn thấp, ít có cơ hội tiếp xúc với bên ngoài.

“Người ta mần mai đó, chứ không có quen trước. Hồi đó cũng kể như hồi xưa đi chớ đâu phải tân thời như bây giờ. Hồi xưa đâu có quen có phen gì đâu, đâu có bạn bè, đâu có se sua. Năm em 17-18 tuổi người ta không có tới, với lại ba em cũng khó nữa, 17-18 tuổi ông đâu có chịu gả. Quê em ở dưới Mỹ Hội nè, lầy chồng về Mỹ Tho. Người ta mai mối hai đám, ba em ưng ông này ông gả, chớ em không biết vì sao ông ưng ông này [chồng người trả lời] nữa. Em không cãi ba em được. Ba em gả chị hai em cũng vậy nữa, ông quyết định gả là ông gả hà. Ông theo xưa mà, ông hỏi em thì mình cũng lớn rồi, em nói tùy ba, ba coi được thì ba gả chớ mình đâu có biết coi gì đâu. Ba em gả là mẹ em đồng ý gả luôn, chứ

không có ý kiến khác đâu. Ba em luôn là người chủ gia đình, mẹ em phải nghe theo” (N.T.T – nữ - 53 tuổi).

Hôn nhân của đôi trẻ không chỉ là nhiệm vụ chính của cha mẹ mà còn là trách nhiệm của cả họ hàng. Do vậy, khi họ hàng đã ưng thuận chàng trai nào đó, nhưng lúc này cô gái chưa bằng lòng, thì họ ra sức bồi đắp cho chàng trai, thuyết phục cô gái, ... để đến một lúc nào đó cô gái cũng sẽ phải bằng lòng. Loại hình hôn nhân mai mối này chịu sự chi phối của áp lực cộng đồng khiến người trong cuộc đôi khi lại miễn cưỡng quyết định hạnh phúc của chính mình.

“Thích thì không thích, thương cũng không thương [...] Hồi đó tui đâu có chịu ông đâu. Bà má tui bả không chịu gả [...]. Cũng nhờ mấy anh năn nỉ bà má, mấy ông anh rẻ năn nỉ dữ dằn lắm. Rồi ông [ông chồng] nhờ người [mấy ông anh rẻ] nói hoà riết rồi ba má cho cưới. Mấy anh ở nhà thương ông [ông chồng] lắm, hồi đó ông [ông chồng] được lắm ai cũng thương hết, rồi mới đốc gả [giục cưới]” (N.T.N – nữ - 58 tuổi).

Hiện nay, với những thay đổi về điều kiện kinh tế-văn hóa-xã hội, hôn nhân mai mối chỉ còn tồn tại ở một số ít gia đình, hoặc đã có sự chuyển biến. Nếu như trước đây cha mẹ hoàn toàn tự quyết định hôn sự cho con cái, thì nay cha mẹ đã hỏi ý kiến của con cái trước khi quyết định. Hôn lễ chỉ diễn ra khi đương sự đồng ý với cha mẹ.

Ngày nay cơ hội để nam - nữ trực tiếp gặp gỡ, tìm hiểu rộng mở hơn nhiều so với thể hệ cha mẹ họ, nhất là khi việc xuất cư đến các vùng đô thị đang tăng

cao. Thanh niên được trao cho cơ hội lựa chọn bạn đời, nhưng phần lớn trường hợp vẫn phải được cha mẹ đồng ý.

“Hai đứa nó đồng ý rồi thì tui cưới cũng như nó thương nhau rồi là mình cưới. Đòi bây giờ mà thì thôi kệ nó lựa cho nó đi. Mình không ép nó nhưng mà nó nói mình cũng không được. Mình không ép nó cưới, nếu hai đứa con đồng ý thì tới phiên người lớn tới” (P.T.L – nữ - 59 tuổi).

Người Tây Nam Bộ tuy không có xu hướng khuyến khích nội hôn trong làng xã, song cũng có tâm lý phân biệt và hạn chế hôn nhân với các vùng khác nhằm đảm bảo sự hòa hợp trong đời sống gia đình, hạn chế sự khác biệt văn hóa có thể cản trở hạnh phúc trong hôn nhân và gia đình.

“Con rể tui người ở đây không hà... tui chỉ cưới gả với gia đình trong Nam thôi, còn miền ngoài [miền Trung và miền Bắc] thì không à. Máy người đó khó lắm, con gái tui làm dâu không nổi đâu. Tui không gả cũng không cưới tại vì cách sống của hai bên không hợp nhau. [...]. Không phải người ta muốn khó nhưng mà người ta sống theo đúng cái luật của người ta. Dân miền Nam sống cái gì cũng đơn giản, còn người miền Bắc thì lễ nghĩa lắm. Tui biết chứ” (N.V.B – Nam - 68 tuổi).

Trong việc lựa chọn nơi sinh sống

Sau lễ cưới, một gia đình mới chính thức được thiết lập trước sự đồng tình và chứng kiến của họ hàng hai bên. Theo cuộc điều tra gia đình Việt Nam năm 2006, có 64,8% các cặp vợ chồng độ tuổi 18-60 và 57,8% các cặp độ tuổi từ 61 trở lên đã “ở chung với gia đình chồng và ăn chung” ngay sau khi cưới

(Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, 2008, tr. 65). Như vậy, hình thức cư trú bên chồng vẫn phổ biến ở hôn nhân của người Việt. Cư trú bên chồng sau kết hôn, tức là cô dâu sẽ rời nhà cha mẹ để đến sống tại nhà chồng, trong dân gian vẫn thường gọi là “làm dâu”. Tùy thuộc điều kiện của mỗi gia đình mà thời gian đôi vợ chồng sống chung với cha mẹ dài hay ngắn. Theo phỏng vấn, có 18/20 trường hợp cư trú bên chồng sau khi kết hôn cho biết họ phải được sự đồng ý của cha mẹ chồng thì mới được ra ở riêng.

“Làm dâu 11 năm mới được ra ở riêng, bà [mẹ chồng] cho ra riêng [bố chồng đã mất nên mẹ chồng có quyền quyết định chính]. Bà nói tui bây muốn cất nhà thì cất đi, được rồi đó” (H.T.B – nữ - 60 tuổi).

Ở nông thôn Tây Nam Bộ, con trai út, khi lập gia đình, phần lớn sẽ sống chung với cha mẹ - gia đình gốc – cho đến khi cha mẹ mất, chứ không tách hộ như những anh trai của mình. Con út sẽ là người phụng dưỡng cha mẹ và thờ cúng ông bà tổ tiên, ngược lại với ở miền Bắc, người con trai trưởng lại được mong đợi thực hiện tốt vai trò này. Cũng vì lý do phụng dưỡng cha mẹ già và hương khói khi cha mẹ khuất nên người con trai út thường được cha mẹ chia cho tài sản nhiều hơn so với những anh trai khác. Con trai út sẽ được hưởng thêm 2 phần tài sản, thường được tính bằng đất, đó là: (1) đất để hương hỏa và (2) đất được quy ra cho các đám giỗ mà người con đứng ra lo cho cha mẹ, ông bà tổ tiên. Chỉ “khi nào mà út nó không chịu thì mới

đưa con trai đầu” (Nhóm nữ - tuổi từ 25-60). Như lời kể của người vợ có chồng là con trai út: “Gia đình em con trai thì cho 5 công ruộng, còn con gái 3 công 4 công gì đó. Cũng có chênh lệch giữa trai và gái nhưng không quá nhiều. Vợ chồng em cũng được 5 công ruộng, bà già còn để lại 5 công ruộng nữa để thờ cúng cha mẹ đó. Vợ chồng em ở với bà nên lãnh luôn 5 công đó, mình lãnh gối mà” (L.T.L - nữ - 43 tuổi).

Mặc dù con gái cũng được thừa hưởng tài sản của cha mẹ để, kể cả ruộng đất, nhưng vẫn có một tâm lý chung là cha mẹ khi về già vẫn muốn sống chung với con trai và con dâu. Một bà mẹ chồng lý giải: *“Mình phải ở với con trai, con gái còn có con rể làm sao mình ở được. Nhiều khi khó lắm, con dâu nói vậy chớ nó dễ, còn con rể nhiều khi nó nhậu vô nó nói nuôi bà già vợ thì sao. Khó lắm, chẳng thà mình ở với con mình” (P.T.L – nữ - 59 tuổi).*

Như vậy, việc cha mẹ ở với con trai - con dâu hay con gái - con rể cũng xuất phát từ tâm thức truyền thống “dâu là con, rể là khách”. Do đó, tâm lý khát khao con trai cũng xuất phát từ đây, chúng tôi sẽ bàn luận vấn đề này ở phần sau.

Trong phân công việc nhà

Cuộc sống của người phụ nữ vừa kết hôn ít nhiều bị tác động bởi giai đoạn sống cùng nhà chồng (đặc biệt là con dâu út). Việc đầu tiên mà người con dâu mới phải làm là tuân thủ sự phân công công việc từ mẹ chồng. Công việc chính mà người con dâu nông thôn Tây Nam Bộ là phải đảm đương các công việc nội trợ cho cả gia đình, hay chăn nuôi, lao

động đồng áng, nhận hàng về gia công tại nhà... Người con dâu hiển nhiên xem đây là trách nhiệm, bổn phận của mình. Còn các bà mẹ chồng sẽ bớt đi gánh nặng công việc gia đình, họ cũng tự cho mình có quyền được rảnh rỗi khi có con dâu mới: *“Em ôm trong ngoài luôn, từ hồi đó tới giờ là vậy đó. Em đảm nhận hết trơn, má em chỉ làm vậy thôi, mình là dâu là con mình phải làm, không lẽ để mẹ mình làm cho mình ăn, mình phải làm hết...” (L.T.L – nữ - 43 tuổi).*

Nhưng từ điều này lại hình thành một vấn đề có tính bất bình đẳng giữa các con dâu với chị em gái chồng còn chưa lập gia đình đang sống chung với cha mẹ: *“Việc nhà thì có cơm nước, giặt giũ, dọn dẹp nhà cửa. Việc nhà xúm vô làm nhưng vì em là dâu nên em phải làm chính những chuyện liên quan đến cơm nước, dọn dẹp nhà cửa. [...] Người ta đi làm về mệt mỗi thì nghỉ, còn mình phận làm dâu mà thì dù có mệt cũng phải làm. Làm dâu hồi đó mà chứ đâu phải như bây giờ. Làm dâu thì phải nấu cơm, rửa chén, quét nhà, giặt đồ. Máy cô em chồng chỉ làm khi nào em bận việc gì đó” (N.T.M.T – nữ - 50 tuổi).*

Do công việc đồng áng hiện nay đã có máy móc, dịch vụ nên người phụ nữ làm dâu ngày nay nhìn chung đỡ vất vả hơn so với thế hệ mẹ của họ. Họ được giảm bớt công việc ruộng đồng chỉ còn lo việc nội trợ, chăm sóc con cái, chăn nuôi hay làm thêm một số công việc khác. Những phụ nữ có công ăn việc làm ổn định tại một cơ quan nào đó thì có vẻ như ít áp lực hơn khi làm dâu, vì phần lớn thời gian họ không ở nhà, công việc nhà do các thành viên khác đảm trách, thậm chí

có trường hợp là cha mẹ chồng đảm nhận.

Trong việc quản lý tài chính và phân chia tài sản

Đối với các con trai khác (không phải là con trai út), sau khi kết hôn xong sẽ cư trú tại gia đình mình cùng với vợ một thời gian nhất định, cùng tham gia lao động sản xuất với gia đình. Tùy vào từng gia đình mà đôi vợ chồng trẻ được tích lũy tiền riêng hay phải bỏ vào quỹ chung của gia đình do mẹ chồng làm “chìa khóa tay hòm”.

Khi đôi vợ chồng ra ở riêng, gia đình bên chồng sẽ chia cho đôi vợ chồng một số tài sản, thường gọi là “vốn”, để đôi vợ chồng làm kế sinh nhai, như: đất đai, nhà cửa, tiền bạc, con giống, cây trồng,... Gia đình bên vợ cũng có thể cho đôi vợ chồng trẻ một số tài sản (nếu có). Tài sản mà đôi vợ chồng trẻ được nhận nhiều hay ít là dựa vào cách phân chia và số lượng tài sản mà gia đình hai bên sở hữu. Nhưng gia đình bên chồng thường có trách nhiệm giúp đỡ nhiều hơn gia đình bên vợ. Đó có lẽ cũng là lý do tại sao khi phân chia tài sản cho con cái thì con trai luôn được hưởng phần nhiều hơn so với con gái, vì “con gái đã có bên chồng lo rồi”.

2.2. Quyết định mua sắm hoặc bán tài sản có giá trị

Trong gia đình gốc⁽⁶⁾ (gồm nhiều thế hệ), vấn đề mua bán các tài sản có giá trị có vai trò lớn của cha mẹ, quyền của đôi vợ chồng trẻ bị hạn chế, đặc biệt là con dâu vốn bị xem là “người ngoài”. Chẳng hạn câu chuyện của một người con dâu khi mẹ chồng bán mảnh đất đã cho vợ

chồng chị: “Bà giao cho chồng em bán đất nhưng bà vẫn còn quyền, có nghĩa là bà quyết định bán là bán. Em không được hỏi ý kiến, hai người quyết định bán, bà già chồng với ông chồng. Từ đó ông và em chỉ còn làm mướn để sống. Em là con dâu mà nên không có quyền gì hết” (N.T.M.T – nữ - 50 tuổi).

Không chỉ vậy, trong giai đoạn sống chung với gia đình chồng, mẹ chồng là người giữ tiền, quản lý toàn bộ hoạt động chi tiêu của gia đình. Vợ chồng con trai và con dâu có thu nhập thì phần lớn họ cũng đưa lại toàn bộ số tiền cho mẹ chồng để bà lo liệu mọi việc trong nhà, lúc có việc cần thì họ sẽ xin lại. Ở khía cạnh này có thể thấy quyền lực của mẹ chồng so với con dâu, và nó trở thành chuẩn mực ứng xử giữa mẹ chồng và con dâu: “Mình làm cha mẹ thì mình quản lý, chừng nào mình già thì nó quản lý. Nhiều khi con nó giữ người ta cũng đánh giá mẹ nó còn mà sao nó giữ tiền, mình tội nghiệp cho con” (H.T.B – nữ - 60 tuổi).

Chỉ khi mẹ chồng già yếu và người con dâu đã tạo được niềm tin thì bà sẽ chủ động giao lại tiền bạc cho con dâu quản lý. Một người con dâu chia sẻ: “Khoảng 5-6 năm nay bà [mẹ chồng] giao cho em giữ tiền. Bà nói má lớn tuổi rồi với lại bà đau [bệnh nặng] trận trước nữa, thấy vậy bà mới giao tiền cho mình giữ tiền rồi lo luôn. [Trước đây] bà giữ tiền, làm ăn mà tiền không có nữa, lớp con cái nữa” (L.T.L – nữ - 43 tuổi).

Ở một số gia đình khác, mẹ chồng vẫn là người nắm giữ tiền và quản lý chi tiêu trong gia đình, nhưng đôi vợ chồng được quyền để dành tiền riêng, nếu họ có thu

nhập và đóng góp hợp lý vào chi tiêu chung của gia đình nhà chồng.

“Bả [mẹ chồng] phải giữ để chi tiêu chớ, con dâu nó giữ tiền của chồng nó đưa để chi xài cho gia đình con cái nó, mua sữa, tiền học cho con nó, quần áo hay cái gì vợ chồng nó cần. Mình nuôi gạo thôi, còn nó có tiền đó muốn ăn gì thì mua. Vợ tui giữ tiền để chi các món lớn hay bả muốn xài gì thì bả có tiền xài không phải xin tiền con. Nó [con dâu] lo việc nhà, lo hai bữa cơm cho cha mẹ chồng, chồng con nó” (N.V.B – nam - 68 tuổi).

Còn trong gia đình hạt nhân (chỉ có hai vợ chồng và con cái), việc mua bán tài sản có giá trị là sự quyết định của đôi vợ chồng. Nhưng ở mỗi gia đình, mức độ quyết định của vợ và chồng là khác nhau, thông thường chồng sẽ đóng vai trò là người quyết định chính.

“Con em nó chuẩn bị sắm laptop, nhưng mà ông xã em không cho thì em không thể nào quyết định được, lúc nào cái lớn lao cũng là ông hết” (L.T.H – nữ - nhóm 25-60 tuổi).

Tuy nhiên, đôi khi người vợ cũng có quyền quyết định.

“Tui không muốn mua rồi dù ông có muốn tui cũng không mua.... mình phải tính cái đó nó có lợi hay không, nếu có lợi thì mình mua, còn không có lợi thì mình quyết định không mua chứ sao. Mình mua thiếu tiền chi tiêu thì ai chịu” (H.T.B – nữ - 60 tuổi).

Sửa chữa hoặc xây dựng nhà cửa là việc lớn của một gia đình, nhất là xây nhà – một trong ba việc quan trọng của một đời người. Đây là lúc vai trò, vị thế giữa vợ - chồng được thể hiện rõ rệt

nhất. Hầu như, đối với vấn đề này, người chồng luôn là người quyết định chính, còn người vợ chỉ đóng vai trò góp ý thêm.

“Chùng nào mua mấy món đất tiền như xe cộ thì hai vợ chồng phải bàn bạc, nếu đồng ý thì mua sắm. Còn đầu tư cho sản xuất thì tui quyết định, sửa chữa, xây dựng nhà cửa cũng do tui quyết định. Dù bàn bạc với nhau, nhưng người ra quyết định cuối cùng chắc chắn là tui rồi” (T.V.D – nam - 39 tuổi).

Nhìn vào vai trò của từng người trong gia đình khi quyết định mua sắm vật dụng có giá trị, có thể thấy người đàn ông vẫn còn giữ vị trí trụ cột, là gia trưởng trong gia đình ở nông thôn Tây Nam Bộ.

2.3. Quyết định số con trong gia đình và sinh con trai hay con gái

Giá trị trẻ em là khái niệm đầu tiên được tiếp cận và làm rõ bởi L. W. Hoffmann & M. L. Hoffmann (1973). Hai tác giả này cho rằng, “giá trị con cái” là xu hướng mang tính quốc tế và đa văn hóa. Họ đã nhìn thấy những khía cạnh tâm lý đóng vai trò quyết định quan trọng cho sự ra đời của đứa trẻ và coi “giá trị của trẻ em là biến số trung gian hòa giải trung tâm ở cấp độ cá nhân” (trang 20). Tuy nhiên, biến số này có thể thay đổi vì những thay đổi trong xã hội và trong bối cảnh văn hóa xã hội.

Annette Kohlmann (2000) quan niệm giá trị của con cái trong chức năng sản xuất xã hội, bao gồm 4 giá trị theo hai loại hình (xem Bảng 1).

Theo Bảng 1, trẻ em có 2 giá trị lớn trong chức năng sản xuất xã hội là: *Hạnh phúc thể lý* và *Công nhận xã hội* với 2 mức độ khác nhau (ngắn hạn và dài hạn).

Bảng 1. Giá trị của trẻ em trong các chức năng sản xuất xã hội

	Hạnh phúc thể lý (lợi ích kinh tế)	Công nhận xã hội
Ngắn hạn	Lợi ích lao động	Lợi ích trạng thái đạt được
Dài hạn	Lợi ích bảo hiểm	Lợi ích cảm xúc

Hạnh phúc thể lý được hiểu là những lợi ích thiết thực có tính kinh tế mà việc sinh con cái có thể mang lại cho các cặp vợ chồng. Trước hết, lợi ích ngắn hạn chính là lao động. Trẻ em có thể phụ giúp cha mẹ trong rất nhiều công việc theo kiểu “tuổi nhỏ làm việc nhỏ”. Trong xã hội nông thôn, trẻ em phụ giúp cha mẹ rất nhiều công việc. Trẻ em trai phụ giúp nhổ cỏ, cấy lúa...; trẻ em gái thì trông giữ em, dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn... trong khi cha mẹ đi làm đồng. Nhưng đây chỉ là lợi ích ngắn hạn, lợi ích dài hạn là vấn đề bảo hiểm. Bảo hiểm ở đây được hiểu là việc sinh con cái đảm bảo cho cuộc sống khi về già. Điều này như một sự kỳ vọng có qua có lại. Cha mẹ chăm sóc nuôi dưỡng con cái và kỳ vọng con cái cũng sẽ cư xử như thế với cha mẹ. Nó phản ánh một quan niệm truyền thống trong văn hóa Việt Nam: có con để cậy nhờ khi về già. Hơn nữa, nếu có con trai thì cuộc sống về già của cha mẹ sẽ càng đảm bảo hơn vì có người phụng dưỡng lúc tuổi già và thờ cúng khi qua đời.

Về giá trị *công nhận xã hội*, trẻ em có thể trực tiếp hoặc gián tiếp làm tối ưu hóa các giá trị xã hội của cha mẹ chúng. Nhờ sự xuất hiện của trẻ mà các mối quan hệ của cha mẹ với nhau, với người thân và những người khác trong xã hội được thắt chặt hoặc mở rộng, nhất là đối với người mẹ. Với tư cách làm cha làm mẹ, mối quan hệ vợ chồng đã thay đổi về chất

lượng, trở nên bền chặt hơn, gắn bó và có trách nhiệm hơn. Mỗi lần sinh con sẽ làm tăng thêm các mối quan hệ xã hội,

nâng cao giá trị xã hội của các bậc làm cha mẹ. Nhưng đó chỉ là lợi ích ngắn hạn. Lợi ích cảm xúc mới là lợi ích dài hạn, những đứa con sẽ tạo nên mối quan hệ gắn bó lâu dài giữa cha mẹ - con cái trong tình yêu thương, cam kết và trách nhiệm.

Với 4 giá trị về con cái đã phân tích ở trên, chúng tỏ rằng, vợ chồng không có con cái quả là một bất hạnh. Người Việt Nam vẫn quan niệm là “nhà đông con là nhà có phúc”. Càng đông con thì cha mẹ càng được nhờ cậy con cái nhiều, nhất là khi cha mẹ già yếu. Chính vì vậy mà phải có con, con trai thì càng tốt, nhưng bao nhiêu con thì đủ?

Trước đây, xã hội nông nghiệp vẫn xem trọng việc phải có nhiều lao động, tức là nhiều con cái, nhất là con trai. Bởi vì, chỉ có con trai mới đủ sức để làm các công việc đồng áng nặng nhọc. Do đó, nhu cầu có con trai như là một đòi hỏi bắt buộc đối với gia đình nhà nông. Hơn nữa, do người Việt chịu ảnh hưởng của Nho giáo, còn đề cao nam giới: “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Tâm lý ưa thích con trai ăn sâu trong các gia đình Việt, đặc biệt là ở nông thôn. Điều này khiến số con sinh ở các gia đình khá cao, đặc biệt là ở các gia đình có nhiều con gái và cố sinh con trai, nên số con từ 5-6 con, thậm chí 10 con là điều rất bình thường. Một phụ nữ giải thích: “*Thì con trai để cho nó mần sức*

vác công việc nặng nhẹ, còn con gái nó đâu có quảng bình, đâu có sạ lúa, xít thuốc được, thành ra mình ham có đứa con trai mần chuyện này chuyện kia, cũng như là thờ cúng ông bà, chớ rể cúng cũng khó khăn lắm, có con trai nó cúng dễ hơn” (N.T.K – nữ - 60 tuổi).

“Ông nói thôi mình cũng còn khổ thì thôi sanh ba đứa tại vì hai đứa kia là con gái, nhưng mà ông ham con trai. Ông mới quyết định thôi mình kiếm đứa con trai nữa đi rồi cái hầy nghĩ, được thằng con trai rồi nghỉ [sinh] luôn đó” (L.K.A – nữ - 47 tuổi).

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, Tây Nam Bộ đứng thứ hai trong cả nước về tỷ số giới tính khi sinh (110,1 bé trai: 100 bé gái) trong khi đó tỷ số giới tính khi sinh bình thường là 105 (trích từ nguồn??, số trang??). Thực trạng này báo động về mất cân bằng giới tính khi sinh ở Tây Nam Bộ cao hơn ở toàn quốc nói chung. Hay nói cách khác, đã bắt đầu có sự can thiệp của y học vào lựa chọn giới tính khi sinh ở các gia đình để thỏa mãn nhu cầu có con trai.

Tuy nhiên, tâm lý ưa thích con trai trong các gia đình Việt ít nhiều đã bị lung lay bởi sự tác động của yếu tố kinh tế. Nếu sinh con cái nhiều thì khó có thể đảm bảo cuộc sống no ấm cho con. Bên cạnh đó các biện pháp kế hoạch hóa gia đình đã góp phần giảm đi số con, quy mô gia đình giảm dần, thường là chỉ 2-3 con, dù sinh được con gái hay con trai. Số con được sinh ra dựa trên sự thỏa thuận của cả hai vợ chồng khi xem xét nhiều yếu tố khác nhau.

“Như nhỏ con gái tui nè, vợ chồng nó ham con trai dữ lắm nhưng mà nó sinh ra

hai đứa con gái rồi nó cũng nghỉ sinh luôn..., nó nói tại vì tui cho nó có hai công ruộng à, nếu mà sinh ra đứa nữa biết ra là con trai hông, hay ra con gái nữa con lo hông nổi, cũng nghỉ nghen, chớ nói ham thì ham chớ mình nhắm khả năng mình hông lo nổi cho con...” (N.T.K – nữ - 60 tuổi).

Nhưng thông thường, đàn ông là người quyết định chính về số con nhằm đảm bảo cuộc sống, tâm lý muốn có con trai đã phần nào giảm đi: “Em thì chịu đông con, ông không chịu, theo em cỡ 3-4 đứa con thì vừa, hai đứa hằm hiu lắm. Sau khi sinh thằng con trai rồi ông biểu em nghỉ. Nếu có vương thì ông cũng kiếm thuốc uống hà... Mình đẻ một đứa con mất 2-3 năm trời không làm ăn gì được, em là lao động chính mà. Để con trai xong là ông kêu em nghỉ để luôn đó..., với lại đàn bà mình sinh nhiều cũng cực nữa. Ông hô đông con quá khổ lắm” (N.T.M.T – nữ - 50 tuổi).

2.4. Quyết định việc học hành, việc làm và định hướng nghề nghiệp của thành viên gia đình

Hầu hết cha mẹ đều mong muốn con cái học hành đến nơi đến chốn. Tuy nhiên, con cái những người thuộc phạm vi khảo sát phần lớn có trình độ học vấn không cao. Các em thường nghỉ học sớm để theo cha mẹ phụ giúp công việc đồng áng, một phần nữa là cách đây khoảng 5 đến 10 năm đường sá đi lại còn khó khăn, kèm theo đó là tâm lý chán học của trẻ. Hiện nay cha mẹ không có tâm lý hạn chế con gái đi học hay chỉ lo cho con trai đi học. Nói cách khác, giới tính của con cái không ảnh hưởng đến quyết định cho con đi học, hay đi học đến đâu.

Dữ liệu điều tra không cho thấy rõ vai trò quyết định đối với việc học hành của con cái thuộc về cha hay mẹ. Ở một số gia đình thì cha là người quyết định, một số gia đình khác lại là mẹ. Nhưng có thể thấy rõ là điều kiện kinh tế đã tác động lớn đến việc học hành của con cái.

“Con trai hay con gái gì tui cũng cho đi học hết trơn đó... Hồi đó mình nghèo mà lo cho con đi học tốn tiền dữ lắm. Bây giờ mình hỏi tiền hỏi bạc cho con đi học, cho tới lúc nó đi làm được thì tui đã tốn biết bao nhiêu tiền rồi... Nhưng dù nó có đi làm nếu cha nó già thì nó cũng phải về nhà vì nhà mình có đất ruộng,... còn ông thì cho nó đi ôn. Đưa lên Cao Lãnh rồi đăng ôn thi đại học mà, tui thì kêu về, ông kêu đi. Hai vợ chồng tui cự lộn, rốt cuộc tui thắng. Tui nói nhất quyết cho nó nghỉ học, hồi đó hai đứa em nó còn đi học” (P.T.L – nữ - 59 tuổi).

Định hướng nghề nghiệp cho con cái là sự thảo luận của cả cha và mẹ. Người mẹ thường đóng vai trò gần gũi, khuyên răn con cái trong lựa chọn việc làm, định hướng nghề nghiệp. Nhưng khi con cái đủ trưởng thành thì thường họ tự quyết định về tương lai của bản thân.

“Cái nghề nghiệp của con cái thì nói chung mình là mẹ rồi thành ra ông cũng nhường lại cho mình hết trơn, thì nó muốn học nghề hay làm cái gì thì ông nói ai biết đâu tùy mẹ con mà, thì cái gì con coi làm cái gì tiện thì con bàn với mẹ con tính toán, rồi mình cũng có bàn với ông vậy đó...” (L.K.A – nữ - 47 tuổi).

3. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG TRONG GIA ĐÌNH

3.1. Việc chăm sóc con cái và người già/

người bệnh

Trong xã hội nông thôn, nam giới không thường xuyên chăm sóc con cái, người già, người ốm, họ chỉ đảm nhận khi gia đình neo người hoặc chỉ làm tạm thời. Bởi họ theo quan niệm nam giới phải lo kiếm tiền cho cả gia đình, còn phụ nữ làm nội trợ, sinh con, chăm sóc cha mẹ già. Việc chăm sóc trẻ em ở những gia đình gốc (nhiều thế hệ) thuận tiện hơn cho đôi vợ chồng, bởi vì con cái của họ được bố mẹ chồng chăm sóc, trông nom, giúp họ an tâm mưu sinh. Nhưng đối với những gia đình đã tách hộ, việc chăm sóc con cái đè nặng lên đôi vai người vợ. Nếu gia đình kinh tế khá giả, người phụ nữ chỉ có việc nội trợ, chăm sóc con cái và có thể nhận thêm việc làm tại nhà (lột sen, đan lục bình...). Nhưng nếu gia đình khó khăn về kinh tế, người vợ còn phải phụ giúp chồng công việc đồng áng. Ở các thế hệ lớn tuổi, phụ nữ thường chịu nhiều vất vả, áp lực, vừa làm việc đồng áng vừa một tay chăm sóc con cái. Còn nam giới chỉ làm mỗi việc lao động sản xuất, ít phụ giúp vợ chăm sóc con cái, người già.

“Có con rồi như con Trinh nó lớn được 2-3 tuổi thì nó ở nhà với bà nội. Bà nội giữ cháu, còn em đi đặt lợp đặt lờ với ông, lúc đó chỉ còn hai vợ chồng đi làm” (L.T.L – nữ - 43 tuổi). *“Ở trong nhà thì sanh ba đứa, chăm sóc con cái thì mình nhiều hơn là ông. Ông cũng có giữ con, khi mình làm hông kịp, thì ông có giữ, nhưng mà ít thôi”* (L.K. A – nữ - 47 tuổi).

Như vậy, chăm sóc con cái là công việc chủ đạo của người phụ nữ trong gia đình. Còn người đàn ông chỉ hỗ trợ khi mà người vợ không làm xuể.

Văn hóa Việt Nam vốn đề cao công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ. Nhưng khi cha mẹ đau ốm, con trai ít trực tiếp chăm sóc cha mẹ, chủ yếu là hỏi han, thăm nom. Nữ giới bất kể là con gái ruột hay con dâu đều phải chăm sóc cha mẹ già bởi vì người ta cho rằng phụ nữ thì khéo léo, chịu khó, cẩn thận nên rất thích hợp với công việc vốn đòi hỏi sự chần chu, tỉ mỉ này: “... trước khi chết bà đau cũng mấy tháng, mình phải lên xuống bệnh viện nuôi bà, thay phiên với thím út và đưa con của thím út nó. Vì phụ nữ mình chịu khó, chăm sóc chu đáo hơn. Ông chỉ lên bệnh viện thăm bà rồi về hà chứ không ở lại nuôi” (H.T.B – nữ - 60 tuổi). Thực ra con trai hay con gái đều có bổn phận với cha mẹ già, nhưng tâm lý nêu trên là cơ sở tạo nên bất bình đẳng giới trong gia đình.

3.2. Công việc nội trợ

Rất nhiều hình thức truyền thông trong xã hội đang vô tình củng cố quan niệm về “người giúp việc nhà” của phụ nữ. Hình ảnh người phụ nữ với công việc nội trợ trên các chương trình quảng cáo, cũng như trên các bộ phim truyền hình đã trở nên quen thuộc đến độ người ta xem đây là công việc chỉ dành riêng cho phụ nữ. Nhưng không có cơ sở sinh học nào xác nhận rằng nam giới nói chung không có khả năng nấu ăn và làm việc nhà (dẫn lại theo Mai Huy Bích, 2009). Ở nông thôn Tây Nam Bộ nam giới làm việc nhà được đánh giá trong con mắt của cộng đồng như câu chuyện sau:

“Thấy ở đây có người đàn ông mà cầm thau xuống giặt thau đồ cái người khác người ta nói liền. Người ta nói, trời ơi đàn

ông mà xuống đó ngồi giặt đồ..., rồi cái mấy ông đàn ông, ông này nói qua ông kia vậy đó, nói trời ơi đàn ông mà đi làm cái chuyện đàn bà. Bởi vậy nên mình gánh [giặt đồ] chứ ông đâu có làm..., thành ra người ta nói vậy đó rồi, mấy ông đâu có làm đâu, một người làm cái mấy ông hai ba ông ngồi lại nói này kia” (L.K.A – nữ - 47 tuổi).

Áp lực cộng đồng đối với hành vi làm việc nhà của nam giới khiến đôi khi nam giới muốn phụ giúp cho vợ cũng e ngại, sợ có người xung quanh bắt gặp và bàn tán. Tuy vậy, dựa vào đặc thù của từng gia đình, chúng ta cũng bắt gặp hình ảnh những ông chồng cặm cụi làm việc nhà, nấu nướng, chăm sóc con cái. Nhưng chỉ khi vợ bận công việc khác thì người chồng mới giúp vợ trong công việc nhà: “Ông giăng lưới, em đem cá ra chợ ông Bầu bán. 5 giờ sáng ông đi giăng lưới tới 5 giờ chiều về, cá ông mang về 2-3 giờ khuya em đi chợ bán. Bán tới 5-6 giờ sáng là em về rồi. Ông Minh đi, em ở nhà giữ con, nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa. Khi nào ông về tới thì mình rọng cá để đó ngày hôm sau bán. Hai vợ chồng chỉ gặp nhau bắt đầu từ 5-6 giờ chiều cho tới lúc đi ngủ. Ông đi giăng lưới em ở nhà lo hết việc nhà: con cái, cơm nước,... ở nhà làm gì thì tự mình ên mà làm. 2 giờ khuya em đi bán rồi, ông ở nhà nấu cơm, quét dọn nhà cửa, giặt giữ quần áo là ông làm hết. Em về ông mới đi giăng lưới. Em về giữ nhà với trông con cái thôi. 6 giờ chiều ông về tới nhà thì em đã lo cơm nước xong rồi, vợ chồng ăn cơm xong là nghỉ ngơi. Làm như vậy cũng mấy năm. Ông giỏi lắm, ông mần việc ngoài đồng vậy đó, về nhà em làm không

kịp ông nhảy vô ông tiếp hết tron hà” (Đ.T.P – nữ - 58 tuổi).

Nhằm giảm bớt gánh nặng công việc nhà, người mẹ thường chủ động giao việc cho các con nếu chúng đã làm được. Công việc mà con trai được giao thường là công việc cần tới sức khỏe như: nhổ cỏ, cắt lúa, trồng cây...; ngược lại, con gái lại được mẹ hướng dẫn làm các công việc nhà như: nấu cơm, đi chợ, trông em,... Những công việc ấy là một hình thức giáo dục về giới được duy trì ngay trong gia đình, tiếp nối thế hệ này qua thế hệ khác, càng củng cố chặt chẽ hơn về vai trò giới giữa nam và nữ. Chính bản thân người phụ nữ đã vô tình hợp thức hóa cho định kiến giới tiếp tục phát triển: *“Con trai nhà tui nó ít có làm chuyện trong nhà lắm, làm chuyện ngoài đồng với chuyện ngoài xã hội không, tại vì đi học rồi đi làm về rảnh thì mần ở ngoài vườn ngoài đồng vậy thôi chứ trong nhà ít lắm... Tại vì phong tục ông bà vậy đó, nữ thì phải làm trong nhà, nam thì làm chuyện ngoài vậy chớ tui cũng hông biết sao nữa... Chứ con trai tui mình cũng thông cảm, con trai đi mần việc xã hội, rồi về hã mần việc đại khái như chặt cái cây hay gì thì đàn bà chặt hông được thì để nam chặt rồi hông lẽ bắt nó vô nhà mần nữa tội nghiệp nó”* (N.T.K – nữ - 60 tuổi).

Không chỉ vậy, phụ nữ cảm thấy không tin tưởng khi giao công việc nhà cho nam giới. Một số phụ nữ cho rằng các ông chồng làm việc nhà không được như mong muốn của họ, nên họ muốn tự tay làm thì mới hài lòng. Nhờ con trai phụ giúp việc nhà cũng vậy, nhiều phụ nữ cho rằng để họ làm thì mọi việc hoàn

thành nhanh chóng hơn, vì sai bảo rất nhiều lần mà con trai vẫn chưa chịu làm.

“Nấu cơm cũng vậy [...] Ông nói ông đi nghĩa vụ thì hồi đó là ông làm bên đầu bếp đó, ông làm thì cũng được đó nhưng mà làm thì nó hông có ngon, thành ra thì hông cho ông làm riết rồi cũng quen nữa” (L.K.A – nữ - 47 tuổi).

Trong gia đình gốc, công việc nội trợ được giao cho con dâu. Mẹ chồng tự cho mình quyền được nghỉ ngơi sau nhiều năm vất vả với công việc này.

“Ông ra ruộng thì mình đi theo làm cỏ, phụ này kia. Đi ruộng về thì mình nấu cơm nấu nước, rồi quần áo, con cái mình lo. Cái đó thì ông không có lo, hồi đó là vậy không, [...]. Khi có con dâu, việc nhà như cơm nước, giặt giũ thì con dâu làm là chính, còn như nó bận đi đâu thì tui nấu [...]. Coi như đương nhiên con dâu phải làm, nhà có hai mẹ con không lẽ tui lớn tuổi mà nó để tui làm, tui chỉ phụ với nó thôi. Nó mắc công chuyện gì thì mình tiếp nó quét nhà hay làm cái gì đó. Không có con dâu thì mình phải làm” (N.T.L – nữ - 59 tuổi).

4. BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG PHÂN CÔNG LAO ĐỘNG SẢN XUẤT

4.1. Trong sản xuất nông nghiệp

Trong sản xuất nông nghiệp sự phân công lao động giữa nam giới và nữ giới bộc lộ rõ rệt đối với từng công việc cụ thể. Nam giới thường đảm trách những công việc nặng nhọc hơn, như: làm đất, sạ lúa, đập bờ, phun thuốc,... Ngược lại, phụ nữ làm các công việc nhẹ nhàng, cần có sự cẩn thận, tỉ mỉ, chẳng hạn: ngâm giống, nhổ cỏ lúa, giặm lúa, cắt lúa.

Một người phụ nữ kể: “Ông dọn đất, sạ lúa, với thuốc sâu này kia, không có mướn ai làm hết một mình ông làm hết, còn em chồng với em làm cỏ, giặm lúa, còn cắt lúa thì xúm vô cắt. Cả nhà xúm vô cắt cho kịp” (N.T.M.T – nữ - 50 tuổi).

Một người nam kể: “Trước mà làm bằng công sức lao động của mình không, ... giờ làm đất hay thu hoạch lúa gì cũng là máy móc làm hết rồi. Tui chỉ bón phân, xịt thuốc, giặm lúa với lại đi thăm đồng thôi. [Việc đầu tư cho sản xuất, chọn thời vụ, chọn giống, mua phân bón thuốc trừ sâu] em làm không hà, em không bàn với vợ đâu vì nó có biết gì đâu. Thí dụ mùa vụ phải mua phân gì, bón phân gì, nó đâu có biết. Tui làm mới biết. Tui làm ruộng lâu lắm rồi, cũng như ruộng của cha mẹ để lại. Hồi đó nghỉ học về làm ruộng luôn cho tới bây giờ” (T.V.D – nam - 39 tuổi).

Tuy nhiên ở một số ít gia đình có người chồng đi làm ở cơ quan, không có nhiều thời gian dành cho việc đồng áng thì một tay người vợ sẽ phải xoay xở từ chuyện làm đất, ngâm giống, sạ lúa, chăm sóc lúa, thu hoạch cho đến chuyện chăn nuôi, bếp núc và con cái. Ở những gia đình này, người phụ nữ phải bươn chải vất vả để mưu sinh, quán xuyến cả việc trong nhà và việc ngoài đồng; trong khi người chồng lại nhàn nhã hơn, chỉ làm việc ở cơ quan, chưa kể sau giờ làm việc anh ta có thể còn đàn đúm, nhậu nhẹt với bạn bè.

“Tui quyết định luôn, thí dụ mấy ngày sạ phân, sạ mấy bao, rồi mấy ngày xịt thuốc đi thăm lúa coi lúa bệnh gì, chạy đi mua thuốc... Tại vì ông đi dạy rồi ông say xỉn hoài, rồi ông mần tui không có vừa ý tại

vì tui nói ở giờ mười bữa cho phân gì được bao nhiêu vậy là sạ, vậy thì nhiều khi ông rảnh thì ông kéo ra ông sạ không rảnh mướn người ta. Thí dụ mình đi thăm thấy sâu lá, thì lội đi mua thuốc rồi về thì ông rảnh ông đi tưới không rảnh thì kêu người ta tưới” (N.T.K – nữ - 60 tuổi).

4.2. Trong công việc khác

Trong thời gian nông nhàn hoặc khi rảnh rỗi, các hộ gia đình còn làm thêm các công việc khác để kiếm thêm thu nhập như làm mướn, hoặc đi giăng lưới bắt cá. Nhưng những công việc này chỉ mang tính chất thời vụ trong một khoảng thời gian nhất định nào đó.

“Những ngày rảnh vào mùa nước ông đi giăng lưới kiếm cá bán thêm. [...] em ở nhà cơm nước, ông đi giăng lưới về em đi bán cá, ông nghỉ [...]. Trong khi ông đi giăng lưới thì em dọn dẹp nhà cửa, cơm nước cho con cái, đi giặt đồ giặt đạc. Bán cá khoảng vài tiếng đồng hồ hà, [...] 3-4 giờ chiều về tới nhà tiếp tục lo cơm nước, tắm rửa con cái. Ăn cơm chiều xong, em chơi với hai con một chút là cho hai đứa nó đi ngủ rồi, còn ông chồng thì đi chơi với bạn bè quanh xóm nè” (N.T.M.T – nữ - 50 tuổi).

Phụ nữ tại địa phương thường nhận thêm những công việc điều đặn, thường xuyên, không quá vất vả, linh động để có thời gian chăm sóc con cái, làm công việc nhà.

“Mình lột sen theo ký lô sen lựa, trước đây một ký có 12.000 đồng, còn bây giờ được 15.000 đồng. Hột sen nhận về gọt tách bỏ vỏ, sau đó chà vỏ lựa, ngâm rồi mới thụt nhụy sau cùng là cân ký. Một ngày lột trung bình được 3 ký, khoảng

45.000 đồng. Một tháng làm chừng hai mươi ngày tại vì mình trừ hao những ngày mình đi đám tiệc, nghỉ ngơi. Cũng đủ chi cho tiền cà phê, đường, bột ngọt này kia” (P.T.L – nữ - 59 tuổi).

3. KẾT LUẬN

Tư tưởng trọng nam hơn nữ, đề cao tính gia trưởng của nam giới trong gia đình còn tồn tại dai dẳng ở nông thôn. Người đàn ông gia trưởng quan niệm người phụ nữ phải đảm nhận công việc trong gia đình, phải phục tùng chồng. Quan niệm này cản trở phụ nữ thuyết phục và lôi cuốn chồng cùng tham gia vào công việc gia đình (nội trợ, chăm sóc con cái).

Nguyên nhân quan trọng nhất cản trở sự phân chia bình đẳng công việc trong gia đình ở nông thôn hiện nay là do quan niệm xã hội cho “công việc nội trợ là thiên chức của phụ nữ”. Không những thế, xã hội còn đánh giá thấp ý nghĩa của các công việc gia đình làm cho nam giới

thiếu động lực trong việc chia sẻ công việc gia đình với phụ nữ. Vấn đề giải phóng phụ nữ trong gia đình chưa được đặt một cách tương xứng với yêu cầu đổi mới kinh tế, xã hội, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Trình độ học vấn, chuyên môn nghề nghiệp của phụ nữ nông thôn còn thấp so với nam giới nên ít có điều kiện và cơ hội tìm kiếm việc làm có thu nhập cao để có thể độc lập, tự chủ về kinh tế, từ đó mới có quyền quyết định trong gia đình.

Các chính sách của Đảng, Nhà nước và hệ thống luật pháp đã đảm bảo cho phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, từ chính sách đến thực hiện vẫn còn một khoảng cách khá lớn, nhất là trong gia đình, vì vẫn còn những cơ sở hình thành bất bình đẳng giới trong gia đình cũng như còn thiếu các biện pháp chế tài hoặc giám sát chặt chẽ đối với vấn đề bất bình đẳng giới. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ hay Mục tiêu Thiên niên kỷ được ghi trong bản *Tuyên ngôn Thiên niên kỷ* của Liên Hợp Quốc tại Hội nghị Thượng đỉnh Thiên niên kỷ, năm 2000 ở New York, Mỹ.

⁽²⁾ Lời giới thiệu của *Công ước Quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ*, bản dịch và giới thiệu của Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, tái bản lần thứ 5 có bổ sung, chỉnh lý, Hà Nội, tháng 9/2005.

⁽³⁾ Được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 29/11/2006 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1/7/2007.

⁽⁴⁾ Được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

⁽⁵⁾ Theo *Quyết định số 2351/QĐ-TTg*, ngày 24/12/2010, của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.

⁽⁶⁾ Khái niệm này hiểu theo nghĩa thông thường là từ một gia đình bố mẹ hình thành các gia đình khác, như gia đình của con cháu. Nếu phân loại gia đình thì chia ra gia đình hạt nhân, gia đình ghép chung, gia đình mở rộng.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chỉ đạo Điều tra dân số và nhà ở Trung ương. 2010. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*. 2010. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
2. Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF). 2008. *Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006*, Hà Nội.
3. Hoffman, L. W. & Hoffman, M. L. 1973. *The Value of Children to Parents*. In Fawcett, J. T. (ed.) *Psychological Perspectives on Population* (pp. 19–76). New York: Basic Books.
4. Kohlmann, A. 2000. *Value of Children Revisited – Ökonomische, Soziale und Psychologische Einflußfaktoren auf Fertilitätsentscheidungen in der BRD, Japan und der Türkei*. Chemnitz: Diss. TU Chemnitz.
5. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 2006. *Luật Bình đẳng giới*. Số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006.
6. Tổng cục Thống kê. 2010. *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009*. Hà Nội: Nxb. Thống kê.